

Bản án số: 81/2024/HS-ST
Ngày 26-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Thân;
- Bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: ông Thái Công Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: ông Trần Văn Tới - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2024/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2024/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Anh K (tên gọi khác: B), sinh ngày 12 tháng 3 năm 2004 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh T; nghề nghiệp: làm mướn; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G và bà Nguyễn Thanh L; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có; bị tạm giữ từ ngày 06-7-2024, chuyển tạm giam từ ngày 09-7-2024 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Doanh nghiệp tư nhân T1 - bà Đặng Thị P, sinh năm 1975 làm Chủ doanh nghiệp; địa chỉ: Số F, Tổ H, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh T - là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Dương Liên H, sinh năm 1971; địa chỉ: Số F, Tổ H, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh T; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình T là nhân viên làm thuê tại tiệm vàng “T1” của ông Dương Liên H, sinh năm 1971, ngụ khu phố D, thị trấn T, tỉnh T, T được giao nhiệm vụ kiểm tra vàng khi khách hàng đến giao dịch mua bán, cầm cố. Do muốn có tiền để tiêu xài cá nhân và trả nợ nên nhiều lần T đến tiệm bạc “V” của ông Đoàn Văn P1, sinh năm 1970, ngụ khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh T mua vàng giả. Sau đó, T trực tiếp viết giấy biên nhận cầm vàng giả hoặc nhờ Nguyễn Anh K, Trần Quốc A, Nguyễn Văn V, Nguyễn Minh Đ đem vàng giả đến tiệm vàng để cầm cố. Trước khi cầm vàng giả thì T kiểm tra vàng và nói dối với ông H là vàng thật để ông H đưa tiền cầm cố vàng. Từ ngày 26-02-2023 đến ngày 20-4-2023, T trực tiếp hoặc được K, A, V, Đ giúp sức 20 lần cầm cố vàng tại tiệm vàng “T1”, chiếm đoạt của ông H tổng số tiền 639.000.000 đồng. Trong đó, Nguyễn Anh K đã giúp sức cho T 02 lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào ngày 03-4-2023, Nguyễn Đình T đến nhà Nguyễn Anh K đưa cho K 01 sợi dây chuyền vàng, có mặt hình móc neo tàu và nhờ K đem sợi dây chuyền vàng đến tiệm vàng “T1” cầm cố cho T. Đồng thời, T dặn K khi nào T nhắn tin thì đem vàng đến tiệm vàng “T1” đưa trực tiếp cho T và dặn K khai tên là “Dì P2” thì K đồng ý. Sau đó, T đến nơi làm việc và nhắn tin cho K cầm sợi dây chuyền vàng đến đưa cho T viết biên lai cầm cố, số tiền 48.000.000 đồng và đưa tiền cho K cất giữ. Khi T đến lấy tiền thì cho K số tiền 100.000 đồng.

Lần thứ hai: Cũng với phương thức, thủ đoạn như trên vào ngày 06-4-2023, Nguyễn Đình T đưa cho Nguyễn Anh K 01 lắc đeo tay đem đến tiệm vàng “Tư Núi” cầm cố số tiền 22.000.000 đồng. T cho K số tiền 200.000 đồng.

** Kết quả giám định:* tại Kết luận giám định số 3778 ngày 23-6-2023 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

+ 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền mặt hình móc neo tàu, trọng lượng 09 chỉ 08 phân 02 ly rưỡi (36,9262 gam), có thành phần kim loại chủ yếu là bạc (Ag): 94,79%, đồng (Cu): 1,80%.

+ 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 03 chỉ 02 phân 09 ly (12,3668 gam), có thành phần kim loại chủ yếu là bạc (Ag): 92,59%, đồng (Cu): 1,80%.

** Kết quả thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng và phân trách nhiệm dân sự:* đã giải quyết xong trong Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 03-7-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh T.

** Kết quả kê biên tài sản:* qua xác minh K không có tài sản riêng có giá trị nên không tiến hành kê biên.

Bản cáo trạng số: 74/CT-VKSTB, ngày 09 tháng 9 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh K (tên gọi khác: B) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Anh K (tên gọi khác: B) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và đề nghị:

- Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K (tên gọi khác: B) từ 24 (hai mươi bốn) tháng tù đến 30 (ba mươi) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo K.

* Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Minh Đ; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã được giải quyết xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 03-7-2024 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo K thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh truy tố và không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: bị cáo K biết hành vi của mình là sai trái, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2] Về thủ tục tố tụng đối với bị can Trần Quốc A: bị can đã bị khởi tố và trong thời gian tại ngoại điều tra đã bỏ trốn, ngày 28-4-2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã ra Quyết định truy nã số 456/QĐ-VPCQCSĐT đối với bị can. Tại Quyết định số 461/QĐ-VPCQCSĐT ngày 29-4-2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã tạm đình chỉ điều tra đối với bị can Quốc A và tại Quyết định số 146/QĐ-VPCQCSĐT ngày 29-4-2024 đã tách vụ án hình sự đối với bị can Quốc A ra giải quyết trong vụ án khác khi bắt được bị can là đúng thủ tục quy định tại các Điều 170, 231 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện như sau:

[2.1] Nguyễn Đình T là nhân viên làm thuê cho tiệm vàng “T1” tại Khu phố D, thị trấn T, huyện T, tỉnh T do bà Đặng Thị P làm chủ Doanh nghiệp; công việc T được giao là kiểm tra, thẩm định vàng thật hay giả khi khách hàng đến giao dịch mua bán, cầm cố tại tiệm V1. Lợi dụng sự tin tưởng của chủ tiệm vàng là không kiểm tra lại vàng sau khi T đã kiểm tra, nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của tiệm vàng và đã dùng thủ đoạn gian dối mua nữ trang gồm dây chuyền, lắc đeo tay là đồng, bạc, kẽm mạ vàng (vàng giả) trá hình là vàng thật, thông qua hình thức cầm cố tài sản do T kiểm tra, ghi biên nhận và báo lại để chủ tiệm vàng là cầm cố vàng thật nên giao tiền cho T. Trước khi thực hiện hành vi, T đã bàn bạc, câu kết chặt chẽ với Nguyễn Văn V, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Anh K. Trong đó, K đã hai lần giúp sức cho T cầm cố 01 sợi dây chuyền và 01 lắc đeo tay tại tiệm vàng “Tư Núi”, chiếm đoạt số tiền 70.000.000 đồng vào các ngày 03-4-2023, ngày 06-4-2023 và được hưởng lợi 300.000 đồng. Tại Kết luận giám định số 3778 ngày 23-6-2023 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: *“01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng, mặt dây chuyền mặt hình móc neo tàu, trọng lượng 09 chỉ 08 phân 02 ly rưỡi (36,9262 gam), có thành phần kim loại chủ yếu là bạc (Ag), đồng (Cu) và 01 lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng, trọng lượng 03 chỉ 02 phân 09 ly (12,3668 gam), có thành phần kim loại chủ yếu là bạc (Ag), đồng (Cu)…, không phải là vàng 18k. 24k, vàng 10 như ghi trong biên nhận cầm cố tài sản”*. Do đó, hành vi của bị cáo K đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng hình phạt “Có tổ chức” và “Giá trị tài sản chiếm đoạt từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng” theo quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

[2.2] Như vậy, bản Cáo trạng số: 74/CT-VKSTB ngày 09-9-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo K và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[3] Vụ án mang tính chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo K là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn tại địa phương. Bị cáo biết rõ việc dùng vàng giả để cầm cố, lừa dối chủ tiệm vàng để lấy tiền là hành vi sai trái nhưng vì mục đích, động cơ tư lợi cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nên phải chịu trách nhiệm hình sự do chính hành vi của mình gây ra.

[4] Xét tính chất, mức độ của bị cáo: vụ án đồng phạm có tổ chức, trong đó bị cáo K là người giúp sức cho T thực hiện tội phạm hai lần vào ngày 03-4-2023 và ngày 06-4-2023, với tổng số tiền chiếm đoạt là 70.000.000 đồng, nên cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo.

[5.1] Tình tiết tăng nặng: bị cáo K hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại và trị giá tài sản bị chiếm đoạt mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ: bị cáo K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt áp dụng: căn cứ tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, xét thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời phục vụ cho công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

Bị cáo K không có tài sản có giá trị, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Đối với hành vi phạm tội của Nguyễn Đình T, Nguyễn Văn V, Nguyễn Minh Đ; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng đã được giải quyết xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 03-7-2024 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh T, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Số tiền 300.000 đồng T cho bị cáo là tiền thu lợi bất chính, bị cáo đã tiêu xài hết nên cần truy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: bị cáo K là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo quy định tại các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Anh K (tên gọi khác: B) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh K (tên gọi khác: B) 02 (hai) năm tù, thời gian chấp hành án phạt tù tính từ ngày 06-7-2024.

2. Biện pháp tư pháp: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền bị cáo Nguyễn Anh K thu lợi bất chính là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về án phí: căn cứ các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Anh K (tên gọi khác: B) phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn)

đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người tham gia tố tụng vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TAT;
- Sở tư pháp TN;
- Phòng PV06 – Công an TN;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Đội điều tra công an huyện Tân Biên;
- Nhà tạm giữ công an huyện Tân Biên;
- Văn phòng công an huyện Tân Biên;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu THAHS;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Thúy